

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/DS-PT
Ngày: 19-01-2021
V/v: “Tranh chấp Hợp đồng Dân sự
Vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Châu Thạch

Các Thẩm phán: Ông Bùi Hữu Nhân
Ông Đỗ Mạnh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tâm – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Bà Nguyễn Thị Thu Hà – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 153/2020/TLPT- DS ngày 29 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp: “Hợp đồng Dân sự Vay tài sản”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 22/2020/DS-ST ngày 24/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 792/2020/QĐ-PT ngày 17/11/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1088/2020/QĐ-PT ngày 29/12/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Chế Roi V, sinh năm: 1969; cư trú tại thôn T, xã X, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1992. Địa chỉ liên lạc: số 11A, đường T, Phường 4, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 6783, quyền số 05/TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng T chứng nhận ngày 15/8/2020), có mặt.

Bị đơn: Bà Hoàng Thị Phương L, sinh năm: 1979; cư trú tại tiểu khu 168, tổ 1, thôn P, xã T, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Hà Nguyên Y, sinh năm: 1956; cư trú tại tiểu khu 168, tổ 1, thôn P, xã T, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

- Người kháng cáo của: Bà Hoàng Thị Phương L - Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 07/01/2020 của Bà Chế Rơi V, lời trình bày tại các bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm của Anh Nguyễn Văn T, người đại diện theo ủy quyền của bà V, thì: Bà Chế Rơi V và ông Y, bà L là bạn cùng xã, ngày 06/12/2019 bà V cho bà L vay 5.000.000.000đ, khi vay hai bên có lập giấy vay tiền tại Văn phòng công chứng P, thời hạn trả nợ là ngày 04/01/2020, lãi suất hai bên thỏa thuận nhưng không vượt quá lãi suất Ngân hàng, không thể chấp. Sau đó bà L không trả nợ theo thỏa thuận dù bà đã đòi nhiều lần. Do đó nay bà có đơn khởi kiện yêu cầu bà L trả số tiền 5.000.000.000đ.

- Theo lời trình bày của Bà Hoàng Thị Phương L thì: Ngày 06/12/2019 bà có ra Văn phòng công chứng ký hợp đồng vay của bà V 5.000.000.000đ, tuy nhiên sau khi lập Hợp đồng bà chưa nhận tiền, do vậy bà không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn.

- Ông Hà Nguyên Y cho rằng ông không biết gì về việc bà L ký hợp đồng công chứng vay của bà V số tiền 5.000.000.000đ, do đó ông không đồng ý với yêu cầu của bà V.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án số 22/2020/DS-ST ngày 24/8/2020; Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

1/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Bà Chế Rơi V về việc “Tranh chấp Hợp đồng Dân sự Vay tài sản” đối với Bà Hoàng Thị Phương L đối với số tiền 950.000.000đ.

Bà Hoàng Thị Phương L không phải trả cho Bà Chế Rơi V số tiền 950.000.000đ.

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Chế Rơi V về việc “Tranh chấp Hợp đồng Dân sự vay tài sản” đối với Bà Hoàng Thị Phương L.

Buộc Bà Hoàng Thị Phương L cho trách nhiệm trả cho Bà Chế Rơi V số tiền 4.306.594.500đ.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của đương sự.

Ngày 26/8/2020 Bà Hoàng Thị Phương L kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa,

Bà Hoàng Thị Phương L vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Anh Nguyễn Văn T, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, đề nghị giải quyết như Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay: đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của Bà Hoàng Thị Phương L, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xuất phát từ việc giữa bà V và bà L có xác lập giao dịch dân sự vay tài sản; bà V cho bà L vay làm nhiều lần, sau đó hai bên ra Văn phòng công chứng để ký hợp đồng vay tài sản với số tiền là 5.000.000.000đ; nay giữa các bên không thống nhất số tiền vay cũng như bên vay vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên các bên phát sinh tranh chấp. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp Hợp đồng dân sự Vay tài sản” là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bà L thì thấy rằng:

[2.1] Theo nội dung của Hợp đồng vay tài sản (tiền) giữa Bà Chế Roi V và Bà Hoàng Thị Phương L do Văn phòng công chứng P chứng nhận ngày 06/12/2019 thì *“...Bà Chế Roi V cho Bà Hoàng Thị Phương L vay số tiền 5.000.000.000đ, thời hạn 30 ngày kể từ ngày lập hợp đồng này được chứng nhận đến hết ngày 04/01/2020, lãi suất hai bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá lãi suất của Ngân hàng tại thời điểm thanh toán...”*. Như vậy việc bà V cho bà L vay tiền là có xảy ra trong thực tế.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án bà L cho rằng bà ký vào Hợp đồng vay tiền nói trên nhưng thực tế chưa nhận tiền từ bà V. Tuy nhiên tại Văn bản giải trình ngày 27/5/2020 mà bà L gửi Tòa án nhân dân thành phố Đ (BL 29, 30) thể hiện nội dung *“Bà V cho rằng tôi có vay của bà V 5 tỉ, nhưng trên thực tế tôi có nhận nhiều lần số tiền 4.050.000.000 đồng và cụ thể tôi đã trả lãi suất như sau:...Vào ngày 06/12/2019 tôi có đi cùng với bà V lên Văn phòng công chứng P ký hợp đồng vay tiền 5.000.000.000đ, nhưng thực chất tôi đã trả gần hết chỉ còn nợ lại 3.550.000.000đ...”*. Tại Văn bản giải trình này bà L thừa nhận từ ngày 29/10/2019 đến ngày 03/12/2019 bà có vay của bà V tổng cộng là 4.050.000.000đ, đã trả được một số tiền nên chỉ còn nợ lại 3.550.000.000đ. Như vậy việc bà L có vay tiền của bà V trong khoản thời gian nói trên là có xảy ra trong thực tế; điều này phù hợp với việc đến ngày 06/12/2019 hai bên ra Văn phòng công chứng để lập Hợp đồng vay tiền.

Như vậy dù tại Điều 5 của Hợp đồng vay tiền nói trên các bên thỏa thuận “thời điểm, phương thức giao tài sản vay do hai bên tự thỏa thuận và thực hiện, tự chịu trách nhiệm trước pháp luật, ngoài sự chứng kiến của công chứng viên” tuy nhiên xét về bản chất thì Hợp đồng vay tiền này thể hiện các khoản tiền mà bà L đã vay trong

khoản thời gian từ ngày 29/10/2019 đến ngày 03/12/2019 và đã nhận tiền từ bà V; bà L cho rằng chỉ còn nợ lại 3.550.000.000đ nhưng không xuất trình được căn cứ chứng minh, bà V lại không thừa nhận nên cần căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của các đương sự để làm cơ sở giải quyết vụ án.

[2.3] Theo Văn bản giải trình ngày 27/5/2020 của bà L thì thực tế bà chỉ vay của bà V số tiền 4.050.000.000đ; bà V không xuất trình được chứng cứ cho bà L vay 5.000.000.000đ nên cần căn cứ vào lời thừa nhận của bị đơn để giải quyết. Tại giai đoạn sơ thẩm bà V rút một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà L trả cho bà V số tiền 4.050.000.000đ. Cấp sơ thẩm đã đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà V, buộc bà L trả cho bà V số tiền 4.050.000.000đ và chịu lãi với mức lãi suất 10%/năm trên số nợ gốc từ ngày 05/01/2020 đến ngày 24/8/2020 (ngày xét xử sơ thẩm) là 07 tháng 19 ngày, cụ thể: $4.050.000.000đ \times 10\%/năm \times 7 \text{ tháng } 19 \text{ ngày} = 256.594.500đ$ là có căn cứ, đúng quy định.

[3] Cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn; cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm về phần buộc bà L phải trả cho bà V số tiền 4.050.000.000đ. Tuy nhiên cấp sơ thẩm đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà V đối với số tiền 950.000.000đ nhưng không tuyên hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án nên cấp phúc thẩm cần tuyên bổ sung mới phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về án phí:

Bà L phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho bà V là 112.306.595đ ($112.000.000đ + 0,1\% \times 306.594.500đ$).

Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà L phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm.

Vì các lý do trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của Bà Hoàng Thị Phương L, sửa Bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện “Tranh chấp Hợp đồng Dân sự Vay tài sản” giữa Bà Chế Rơi V và Bà Hoàng Thị Phương L đối với số tiền 950.000.000đ (chín trăm năm mươi triệu đồng).

Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án: Quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án (đối với phần yêu cầu bị đình chỉ nói trên) của đương sự được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 218 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Chế Rơi V đối với Bà Hoàng Thị Phương L về việc “Tranh chấp Hợp đồng Dân sự Vay tài sản”.

Buộc Bà Hoàng Thị Phương L phải có trách nhiệm trả cho Bà Chế Rơi V số tiền là 4.306.594.500đ (bốn tỷ ba trăm lẻ sáu triệu năm trăm chín mươi bốn nghìn năm trăm đồng), {trong đó nợ gốc là 4.050.000.000đ (bốn tỷ không trăm năm mươi triệu đồng) nợ lãi là 256.594.500đ (hai trăm năm mươi sáu triệu năm trăm chín mươi bốn nghìn năm trăm đồng)}.

3. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm:

Bà Chế Rơi V không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm; bà V được nhận lại số tiền 56.500.000đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0017156 ngày 04/02/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Bà Hoàng Thị Phương L phải chịu 112.306.595đ án phí Dân sự sơ thẩm.

- Án phí phúc thẩm:

Bà Hoàng Thị Phương L phải chịu 300.000đ án phí Dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0003063 ngày 28/9/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Bà L đã nộp đủ án phí Dân sự phúc thẩm.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KT-NV & THA;
- TAND tp. Đ, tỉnh Lâm Đồng;
- Chi cục THADS tp. Đ, tỉnh Lâm Đồng;
- Đường sự (03);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Huỳnh Châu Thạch